

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu
2. Ông Nguyễn Văn Kiềm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án huyện T, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 362/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2023 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Hoàng Trọng H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Trọng H1 đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/1997 tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn là tự nguyện, chị và anh H1 có được tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh H1 làm dâu ngay. Quá trình chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh H1 thường xuyên say xỉn và đánh đuổi chị. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2023 đến nay, trong thời gian này vợ chồng không còn quan tâm đến

nhau. Nay chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh **Hoàng Trọng H1**.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là **Hoàng Thị Lan N**, sinh ngày 15/01/1999 và **Hoàng Thị Khánh L**, sinh ngày 17/4/2001. Hiện các cháu đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh **Hoàng Trọng H1** trình bày: Anh xác nhận nội dung chị **H** trình bày về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và quá trình chung sống như chị **H** trình bày là đúng. Sau khi chị **H** bỏ về nhà bố mẹ đẻ anh có đến xin lỗi và đón gọi chị **H** về đoàn tụ nhưng chị **H** không đồng ý. Nay anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là **Hoàng Thị Lan N**, sinh ngày 15/01/1999 và **Hoàng Thị Khánh L**, sinh ngày 17/4/2001. Hiện các cháu đều đã trưởng thành và có khả năng lao động. Nếu phải ly hôn, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng quy định về nghĩa vụ có mặt tại tòa theo quy định.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn anh **Hoàng Trọng H1**

2. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh **Hoàng Trọng H1** hiện cư trú tại **xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang**. Căn cứ điểm a khoản Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

[3] Về xác định quan hệ pháp luật: Nguyên đơn xin ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn”.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Hoàng Trọng H1** đăng ký kết hôn ngày 16/12/1997 tại **UBND xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang**, trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của chị **H** cũng như anh **H1** đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh **H1** uống rượu và chửi đũa chị **H**; do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng ly thân từ tháng 11/2023 là phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của chị **H** và anh **H1**. Có căn cứ để xác định vợ chồng chị **H**, anh **H1** không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là phải yêu thương, tôn trọng và chung sống cùng nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị **H** và anh **H1** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh **H1** không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh quan hệ hôn nhân giữa anh và chị **H**, chưa trầm trọng, vợ chồng vẫn còn khả năng đoàn tụ. Do vậy, cần xử cho chị **H** được ly hôn với anh **H1** là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị **Nguyễn Thị H** phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn anh **Hoàng Trọng H1**.

2. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006644 ngày 28/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị **Nguyễn Thị H** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND xã xã Quế Nham, huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thân Văn Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Sửu

Nguyễn Văn Kiểm

Thân Văn Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Xuân Thịnh

Lương Văn Định

Thân Văn Hiếu

